

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 20 /GPMT-BQL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 12 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

**BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về
thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ
quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ
môi trường;

Căn cứ Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban
nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ,
quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp
Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex tại văn bản số 03/CV-MT.24
ngày 03 tháng 12 năm 2024 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án
"Xưởng sản xuất chế biến thực phẩm Cholimex - Nâng tổng công suất từ 85.000 tấn
sản phẩm/năm lên 93.000 tấn sản phẩm/năm" tại Lô số C40-43/I và C51-55/II,
đường số 7, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố
Hồ Chí Minh và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Quản lý Môi trường tại Tờ trình ngày 12
tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex, địa chỉ trụ sở chính
Lô số C40-43/I, C51-55/II, đường số 7, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, xã Vĩnh Lộc A,
huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ
môi trường đối với dự án "Xưởng sản xuất chế biến thực phẩm Cholimex - Nâng
tổng công suất dự án từ 85.000 tấn sản phẩm/năm lên 93.000 tấn sản phẩm/năm" tại

Lô số C40-43/I, C51-55/II, đường số 7, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: “Xưởng sản xuất chế biến thực phẩm Cholimex - Nâng tổng công suất dự án từ 85.000 tấn sản phẩm/năm lên 93.000 tấn sản phẩm/năm”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô số C40-43/I, C51-55/II, đường số 7, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0304475742, đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 07 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 26 tháng 11 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 7464040664, chứng nhận lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 2016 do Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

1.4. Mã số thuế: 0304475742.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, chế biến, gia công thực phẩm, thực phẩm đông lạnh thủy hải sản các loại.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng diện tích nhà xưởng: 36.994,8 m².

- Công suất: Sản xuất, chế biến, gia công thực phẩm, thực phẩm đông lạnh thủy hải sản các loại tổng công suất 93.000 tấn sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2: Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép môi trường: 10 năm kể từ ngày Giấy phép môi trường được ký ban hành.

Điều 4. Giao Phòng Quản lý Môi trường - Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. /

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex;
- UBND TP.HCM;
- Sở TN&MT TP.HCM;
- UBND huyện Bình Chánh;
- Công ty TNHH MTV KCN Vĩnh Lộc;
- Lãnh đạo Ban;
- Cổng thông tin điện tử BQL;
- Lưu: VT, PQLMT, Tân (12). *Kq*

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Phạm Thanh Trục

**Phụ lục 1****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 20 /GPMT-BQL ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

Dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, không xả thải ra môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: bao gồm nước thải phát sinh từ các khu vực nhà bảo vệ; văn phòng; nhà xưởng (xưởng chế biến hải sản đông lạnh, xưởng sản xuất nước mắm, xưởng nước tương, tổng kho) được thu gom, xử lý sơ bộ bằng 08 bể tự hoại 03 ngăn, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải của dự án để tiếp tục xử lý.

- Nước thải từ nhà ăn được thu gom, xử lý sơ bộ bằng bể tách dầu, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Nước thải sản xuất: bao gồm nước thải từ hoạt động rửa, vệ sinh thiết bị sản xuất; hoạt động vệ sinh nhà xưởng; hoạt động rửa nguyên liệu; hoạt động xả đáy lò hơi; hoạt động hệ thống xử lý khí thải lò hơi Biomass; hoạt động vệ sinh hệ thống xử lý nước cấp; hoạt động của quá trình giặt đồ vệ sinh lao động của công nhân viên được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải để xử lý.

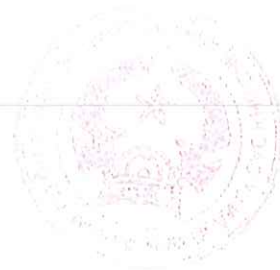
- Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt, nước thải từ nhà ăn và nước thải sản xuất được dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 1.200 m³/ngày.đêm. Nước thải sau xử lý được dẫn vào hố ga đầu nối nước thải của Khu công nghiệp Vĩnh Lộc tại 01 vị trí nằm trên đường số 8 (vị trí tọa độ X (m) = 1197683.6; Y (m) = 591949.4 - Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105⁰45', múi chiều 3⁰).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:**1.2.1. Bể tự hoại:**

- Số lượng: 08 bể.

- Tổng thể tích: 88 m³.

- Hóa chất sử dụng: không.



1.2.2. Bể tách dầu:

- Số lượng: 01 bể.
- Tổng thể tích: 80 m³.
- Hóa chất sử dụng: không

1.2.3. Hệ thống xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải từ nhà xưởng (chế biến thực phẩm đông lạnh và chế biến thực phẩm) được thu gom về module 1 công suất 400 m³/ngày đêm của hệ thống xử lý nước thải, quy trình như sau: Nước thải → Bể gom (TK 01-A) → Bể lắng hóa lý (TK 02-A/B) → Bể trung gian (TK 03) → Bể điều hòa (TK 04-A) → Bể Anoxic (TK 05-A) → Bể Aerotank (TK 06-A/B) → Bể lắng sinh học (TK 07-A) → Bể trung gian (TK 08-A/B) → Hồ ga thu gom nước thải của Khu công nghiệp Vĩnh Lộc.

+ Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại + nước thải nhà ăn sau bể tách dầu + nước thải sản xuất từ nhà xưởng (nước mắm, nước tương) được thu gom về module 2 công suất 800 m³/ngày đêm của hệ thống xử lý nước thải, quy trình như sau: Nước thải → Bể gom (TK 01-B) → Bể lắng hóa lý (TK 02-C/D) → Bể trung gian (TK 03) → Cụm 04 bể điều hòa (TK 04-B) → 02 Cụm bể Anoxic, Bể Aerotank, Bể lắng sinh học độc lập. Sau đó cùng với nước thải sau khi xử lý tại module 1 công suất 400 m³/ngày đêm → Bể trung gian (TK 08-A/B) → Hồ ga thu gom nước thải của Khu công nghiệp Vĩnh Lộc.

- Công suất thiết kế: 1.200 m³/ngày.đêm (gồm 2 module: 800 m³/ngày đêm và 400 m³/ngày đêm).

- Hoá chất sử dụng: CaO, PAC, Polymer.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đảm bảo cung cấp điện cho các thiết bị được hoạt động liên tục.
- Vận hành hệ thống xử lý theo đúng hướng dẫn vận hành của nhà cung cấp.
- Thường xuyên theo dõi hoạt động, bảo dưỡng định kỳ của các máy móc, tình trạng hoạt động của các bể để có biện pháp khắc phục kịp thời.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn.
- Bố trí nhân viên quản lý vận hành trạm xử lý nước thải. Yêu cầu người quản lý, vận hành công trình xử lý nước thải phải có trình độ chuyên môn cần thiết và nắm bắt được một số nguyên tắc, thực hiện đúng các thao tác kỹ thuật về quản lý, vận hành công trình xử lý nước thải.

- Lập nhật ký vận hành với đầy đủ thông tin về lưu lượng nước thải, lượng điện tiêu thụ, lượng hóa chất sử dụng và lượng bùn thải của hệ thống xử lý nước thải.

- Nếu có bất kỳ nguyên nhân nào làm một hạng mục/thiết bị hoặc toàn bộ hệ thống xử lý nước thải ngừng hoạt động, khi đó Công ty sẽ giảm thiểu tối đa lượng nước cấp cho sinh hoạt, sản xuất không cần thiết, có giải pháp thu gom và liên hệ Khu công nghiệp Vĩnh Lộc để được hỗ trợ xử lý, không để nước thải chảy ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng (bắt đầu vận hành thử nghiệm sau khi được cấp giấy phép môi trường).

2.2. Công trình xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý nước thải, công suất 1.200 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Đầu vào: tại bể gom (TK 01 - A, B) của hệ thống xử lý nước thải, công suất 1.200 m³/ngày.đêm.

- Đầu ra: tại đường ống thoát nước thải sau hệ thống xử lý nước thải công suất 1.200 m³/ngày.đêm trước khi đầu nối vào hố ga thu gom nước thải của Khu công nghiệp Vĩnh Lộc.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm:

- Các chất ô nhiễm: pH, BOD₅, COD, chất rắn lơ lửng, Amoni, tổng Nitơ, tổng Photpho, Clorua, Sunfua, dầu động thực vật.

- Giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm: nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp Vĩnh Lộc.

2.3. Tần suất lấy mẫu: ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định, thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Tách rời hoàn toàn hệ thống thu gom, thoát nước thải với hệ thống thu gom, thoát nước mưa; Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, không được phép xả thải trực tiếp ra môi trường dưới mọi hình thức.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Vĩnh Lộc.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.



Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 20 /GPMT-BQL ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ lò hơi công suất 5 tấn hơi/giờ (dùng nhiên liệu Biomass).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải: 01 dòng khí thải tương ứng với 01 ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải từ nguồn phát sinh khí thải 01 nêu trên, vị trí xả thải cụ thể: X= 1197639.886; Y= 592103.169; lưu lượng 32.000 m³/giờ.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°)

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 32.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: xả liên tục trong thời gian vận hành hệ thống xử lý khí thải.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B, (K_p = 0,9 và K_v = 1,0), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giới hạn của các chất ô nhiễm theo QCVN 19: 2009/BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục (quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/ NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ)
2	Bụi	mg/Nm ³	180		
3	SO ₂	mg/Nm ³	450		
4	NO _x	mg/Nm ³	765		
5	CO	mg/Nm ³	900		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải:

Nguồn số 01: Khí thải từ lò hơi công suất 5 tấn/giờ sử dụng nhiên liệu Biomass được thu gom bằng đường ống bằng thép CT3 (D = 700mm), với chiều dài 8m dẫn về đưa về hệ thống xử lý khí thải 32.000 m³/giờ để xử lý trước khi xả ra ngoài môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải, bụi phát sinh từ lò hơi sử dụng Biomass: Khí thải, bụi → Bộ thu hồi nhiệt → Cyclone chùm → Thiết bị đập bụi nước → Quạt hút → Ống thải (D = 800mm, H = 21m).

- Công suất thiết kế: 32.000 m³/giờ

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Nước.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đầu tư thiết kế hệ thống xử lý khí thải phù hợp với công suất, lưu lượng phát thải nhằm tránh tình trạng quá tải của hệ thống.

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Khi hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố hoặc chất lượng khí thải không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2 phần A của Phụ lục này phải ngừng ngay việc xả khí thải ra môi trường để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

- Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với các hệ thống xử lý khí thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 31, Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường, đồng thời phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP 

**Phụ lục 3****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 20 /GPMT-BQL ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Hoạt động sản xuất tại nhà xưởng thực phẩm tương ớt, tương cà;
- Nguồn số 02: Hoạt động sản xuất tại nhà xưởng nước tương;
- Nguồn số 03: Hoạt động sản xuất tại nhà xưởng sản xuất hải sản đông lạnh;
- Nguồn số 04: Hoạt động vận chuyển hàng hóa tại nhà kho;
- Nguồn số 05: Hoạt động vận chuyển hàng hóa tại nhà kho nguyên liệu;
- Nguồn số 06: Hoạt động vận chuyển hàng hóa tại nhà kho bao bì;
- Nguồn số 07: Hoạt động sản xuất tại nhà xưởng chế biến nước mắm;
- Nguồn số 08: Hoạt động vận chuyển hàng hóa tại kho nguyên liệu - bao bì;
- Nguồn số 09: Hoạt động vận chuyển hàng hóa tại khu chứa thiết bị sơ chế nguyên liệu;
- Nguồn số 10: Hoạt động sản xuất tại xưởng sản xuất nước sốt;
- Nguồn số 11: Hoạt động của khu vực cơ khí;
- Nguồn số 12: Khu vực lò hơi dùng nhiên liệu biomass;
- Nguồn số 13: Máy phát điện 01 công suất 500KVA gần kho chất thải rắn thông thường;
- Nguồn số 14: Máy phát điện 02 công suất 500KVA gần kho chất thải rắn thông thường;
- Nguồn số 15: Máy phát điện 03 công suất 500KVA (khu vực gần nhà ăn);
- Nguồn số 16: Hoạt động của máy móc thiết bị tại hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: X= 1197516.95; Y= 591913.69;
- Nguồn số 02: X= 1197552.62; Y= 591923.33;
- Nguồn số 03: X= 1197590.85; Y= 591856.36;
- Nguồn số 04: X= 1197605.32; Y= 591936.56;
- Nguồn số 05: X= 1197525.56; Y= 591984.42;
- Nguồn số 06: X= 1197597.24; Y= 592012.81;

- Nguồn số 07: X= 1197588.17; Y= 591863.95;
- Nguồn số 08: X= 1197573.91; Y= 591989.05;
- Nguồn số 09: X= 1197629.73; Y= 592018.48;
- Nguồn số 10: X= 1197606.94; Y= 591965.49;
- Nguồn số 11: X= 1197623.91; Y= 592086.23;
- Nguồn số 12: X= 1197639.88; Y= 592103.16;
- Nguồn số 13: X= 1197540.80; Y= 591932.66;
- Nguồn số 14: X= 1197568.64; Y= 592057.30;
- Nguồn số 15: X= 1197565.52; Y= 592056.29;
- Nguồn số 16: X= 1197661.11; Y= 591932.94.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Lắp đặt các đệm chống rung tại chân máy móc, thiết bị và thường xuyên kiểm tra độ cân bằng, hiệu chỉnh khi cần thiết.
- Bố trí các máy móc, thiết bị trong các dây chuyền sản xuất một cách hợp lý đồng thời thường xuyên kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.
- Công nhân trực tiếp sản xuất phải được trang bị bảo hộ lao động.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình vận hành của dự án, đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

**Phụ lục 4****YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI PHÒNG NGỪA VÀ
ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 20/GPMT-BQL ngày 12 tháng 12 năm 2024
của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

STT	Tên chất thải	Mã chất thải nguy hại	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	320
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	62
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	35
4	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	15
Tổng khối lượng			432

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Phế liệu các loại (Bao PE, thủy tinh, PA)	150.000
2	Thùng Carton	150.000
4	Tro từ lò hơi dùng nguyên liệu Biomass	40.000
5	Dầu chiên	146.600
6	Bùn từ hệ thống XLNT	65.000
7	Hộp mực in, photo	12
8	Các loại rau, củ quả, vụn thực phẩm thải bỏ	1.816.260
Tổng khối lượng		2.367.872

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 624 tấn/năm

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại.

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: thùng nhựa composite có nắp đậy kín và bao bì PP chống thấm, không rách, vỡ trong quá trình vận chuyển và sử dụng, chứa riêng đối với từng loại chất thải, có dán mã chất thải.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích: 6 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho chứa có kết cấu tường tôn có vách ngăn, nền được tráng xi măng chống thấm; có gờ chống tràn nhằm ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất, dầu nhớt; có gắn biển dấu hiệu cảnh báo và thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường

2.2.1 Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa composite, bao PP chứa riêng đối với từng loại chất thải.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích: 60 m².

- Thiết kế, cấu tạo: có kết cấu tường xây gạch kết hợp với vách ngăn, nền được tráng xi măng chống thấm, có biển cảnh báo.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt.

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Các thùng nhựa đựng chất thải sinh hoạt chuyên dụng, có nắp đậy.

2.3.2. Điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt:

- Diện tích: 5 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực tập kết: nền bê tông, chống thấm, các thiết bị lưu chứa đảm bảo không rò rỉ nước ra ngoài môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 02/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 20/GPMT-BQL ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu trong nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các nội dung giải trình đã nộp kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường của dự án.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Giảm thiểu chất thải phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp cải thiện hiệu quả sản xuất.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; cập nhật, lưu giữ thông tin, số liệu về môi trường để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

5. Thực hiện nghĩa vụ kê khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải theo quy định tại Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khí thải.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới. *W*

